TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **447/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Ngô Minh Ngọc**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa***: Ông **Phạm Minh Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 331/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2018/QĐST–HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thanh V**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Hàn Thị N,** sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Phạm Thanh V trình bày: Anh và chị Hàn Thị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã K, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 16/02/2004. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh V nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 30/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 22/9/2008 và Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 28/9/2016 hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đồng/con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai bị đơn chị Hàn Thị N trình bày: Chị thống nhất với trình bày của anh V về quá trình hôn nhân, nguyên nhân ly hôn là do anh V tự ý bỏ đi. Nay chị và anh V không còn khả năng hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 03 con chung như anh V trình bày. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đồng/con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Tại phiên tòa**, anh Phạm Thanh V vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho anh được ly hôn với chị Hàn Thị N. Về con chung: Anh V đồng ý để 03 con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 30/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 22/9/2008 và Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 28/9/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đồng/con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V trình bày không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân anh V và chị N mâu thuẫn trầm trọng, đồng thời chị N có ý kiến đồng ý ly hôn với anh V nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh V ly hôn với chị N.

+ Về con chung: Con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 30/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 22/9/2008 và Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 28/9/2016 hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh V đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, đồng thời cháu H và cháu T có nguyện vọng muốn sống với chị N nên cần tiếp tục giao cháu H, cháu T và cháu M cho chị N nuôi dưỡng. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đồng/con chung.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của anh Phạm Thanh V về việc tranh chấp "ly hôn" với chị Hàn Thị N có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về hôn nhân: Anh V và chị N xác lập hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã K, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 16/02/2004. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy, anh V và chị N từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh chị sống ly thân từ năm 2016 nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị N nhưng chị vẫn không đến tham dự phiên tòa, mặt khác chị N có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với anh V. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh V và chị N là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Từ lúc anh V và chị N ly thân với nhau, cháu Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 30/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 22/9/2008 và Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 28/9/2016 do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung và anh V đồng ý. Để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của các cháu, đồng thời cháu H và cháu T có nguyện vọng muốn sống với chị N nên cần tiếp tục giao cháu H, cháu T và cháu M cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đồng/con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh V trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với chị Hàn Thị N vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị N vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị N.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

***Xử*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh V.

1/ Về tình cảm: Anh Phạm Thanh V và chị Hàn Thị N thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Ghi nhận việc anh V đồng ý giao 03 con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 30/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 22/9/2008 và Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 28/9/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 700.000đồng/con chung.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung**:** Không có.

5/ Về án phí: Anh Phạm Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0014792 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên anh V phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Chị Hàn Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng